

Bản án số: 42/2025/HNST
Ngày 10-04-2025
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hào
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Khoe
Bà Ngô Thị Thúy Hào
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Khuất Cao Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị H – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 04 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 625/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13-03-2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 01-04-2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Cẩm N, sinh năm 1991 - Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Mai Văn N1, sinh năm 1971 - Địa chỉ: Số E N, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Cẩm N trình bày:

Chị và anh Mai Văn N1 tự nguyện tìm hiểu, sau đó tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Giấy chứng nhận kết hôn số 62/2017). Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là vì anh chị bất đồng ý kiến, không cùng quan điểm sống, không còn yêu thương nhau nữa. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể chung sống được nữa nên chị và anh N1 đã sống ly thân từ tháng 3/2021 đến nay, anh N1 ở Vũng Tàu, còn chị đưa hai con về sinh sống tại quê nhà ấp M, xã V, huyện G, tỉnh Kiên

Giang. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N1.

Về con chung: Chị N xác định vợ chồng chị có hai con chung Mai Chấn P, sinh ngày 12-07-2013 và Mai Gia H1, sinh ngày 17-11-2017, hiện nay chị đang trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con Mai Chấn P và Mai Gia H1, không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp pháp các văn bản theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với bị đơn anh Mai Văn N1, để anh N1 thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Nhưng anh N1 không đến Tòa án làm việc, vắng mặt theo các giấy triệu tập của Tòa án mà không có lý do chính đáng, anh N1 cũng không thể hiện ý kiến và yêu cầu gì gửi đến Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án tham gia tố tụng đầy đủ, đúng quy định pháp luật, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn mặc dù đã được tổng đạt hợp pháp nhưng vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa sơ thẩm mà không có lý do chính đáng, nên việc Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa, xác định chị N và anh N1 trong quan hệ hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng; vợ chồng anh chị không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh N1.

Về con chung: Xem xét thấy yêu cầu của chị N có căn cứ pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận các yêu cầu của chị N về quyền trực tiếp nuôi hai con Mai Chấn P và Mai Gia H1. Chị N không yêu cầu anh N1 phải cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

[2]. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn, bị đơn không có yêu cầu phản tố, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân của chị N và anh N1 là hợp pháp, đúng qui định pháp luật. Quá trình chung sống, giữa chị N và anh N1 do phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên không còn tình cảm dành cho nhau, anh chị đã sống ly thân từ tháng 03-2021 đến nay.

Tại Đơn xin xác nhận ngày 10-01-2025 của chị N, Công an xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang xác nhận chị Bùi Cẩm N có đăng ký tạm trú tại ấp M, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Biên bản xác minh tại địa phương xác nhận việc chị N và anh N1 trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn.

Xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N và anh N1 như chị N trình bày là đúng sự thật, có đầy đủ căn cứ xác định hôn nhân của chị N và anh N1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu xin ly hôn của chị N có căn cứ pháp luật, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh N1.

[4]. Về con chung: Chị N và anh N1 có hai con chung Mai Chấn P, sinh ngày 12-07-2013 và Mai Gia H1, sinh ngày 17-11-2017. Hiện nay chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con Mai Chấn P và Mai Gia H1, hiện các cháu học tại Trường tiểu học S V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Xét chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con, tạo sự ổn định tại môi trường học tập, nên Hội đồng xét xử quyết định chị N có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Mai Chấn P và Mai Gia H1. Chị N không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con nên anh N1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu xem xét, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Cẩm N về việc ly hôn với anh Mai Văn N1.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Cẩm N được quyền ly hôn với anh Mai Văn N1.

3. Về con chung: Chị Bùi Cẩm N và anh Mai Văn N1 có hai con chung Mai Chấn P, sinh ngày 12-07-2013 và Mai Gia H1, sinh ngày 17-11-2017.

- Chị Bùi Cẩm N có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung Mai Chấn P và Mai Gia H1.

- Anh Mai Văn N1 có quyền và nghĩa vụ đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được cản trở anh N1 thực hiện quyền và nghĩa vụ này.

- Anh Mai Văn N1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu xem xét, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Bùi Cẩm N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004575 ngày 06-11-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V. Chị N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thành phố V;
- Thi hành án dân sự TP.V;
- UBND phường Thắng Tam, TP. V;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lương Thị Thanh Hảo